|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Lai Châu*, *ngày tháng năm 2023* |

**TỜ TRÌNH**

**V/v ban hành Nghị quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban dân tộc về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét thông qua Nghị quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, với các nội dung như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Việc ban hành Nghị quyết nhằm thực hiện quy định tại tiết đ điểm 1 khoản 22 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định *“Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này”* và thực hiện điểm a khoản 6 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 03/6/2023 của Bộ Y tế.

Thực hiện điểm d, khoản 1, Điều 40, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022, quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, ngày 24/6/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Theo đó, Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND có một số nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, một số nội dung cần được quy định mới, một số nội dung cần bãi bỏ theo yêu cầu của Chính phủ và bộ, ngành Trung ương. Cụ thể như sau;

1. Các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung:

- Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và quy định mới. Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết: ban hành cụ thể, không dẫn chiếu và thống nhất mẫu hồ sơ, quy trình thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực khác không phải sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp, cơ sở, người dân dễ triển khai thực hiện.

- Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: điều chỉnh, sửa đổi lại các nội dung theo quy định mới. Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất: ban hành cụ thể, không dẫn chiếu áp dụng nhằm giúp cơ sở, người dân dễ triển khai thực hiện.

2. Các nội dung bãi bỏ:

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ: theo điểm 1 khoản 14 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP, các địa phương không thuộc điều kiện để hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

3. Các nội dung bổ sung mới:

- Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cộng đồng.

- Mẫu hỗ sơ đối với dự án phát triển cây dược liệu: theo điểm a khoản 6 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 03/6/2023 của Bộ y tế .

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh là cần thiết và phù hợp với yêu cầu của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thẩm quyền, phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

**II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích:** Nhằm cụ thể các quy định theo yêu cầu của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thẩm quyền, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

**2. Yêu cầu:** Định mức hỗ trợ, Mẫu hồ sơ, quy trình thủ tục, tiêu chí lựa chọn phảitheo hướng đơn giản, đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, phù hợp với các quy định hiện hành và tình tình thực tiễn của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. UBND tỉnh đã giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị Quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 44/2022/NQ- HĐND ngày 20/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể tỉnh; UBND các huyện thành phố (Công văn số ......./SNN-PTNT ngày ..../...../2023), được đăng tải lên mục "LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT" trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày ... tháng ... năm 2023 đến ngày ... tháng ... năm 2023. Sau khi tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số......./SNN-PTNT ngày ..../...../2023 và đã có Báo cáo thẩm định số ......../BC-STP ngày ..../...../2023 của Sở Tư pháp; hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh.

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Uỷ ban nhân dân tỉnh và được thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày ... tháng ... năm 2023 trước khi trình HĐND tỉnh quyết định.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết được soạn theo hướng ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND.

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết đươc bố cục theo hình thức gián tiếp, gồm 04 Điều và Quy định kèm theo. Quy định ban hành kèm theo gồm 8 Điều.

**2. Nội dung cơ bản**

Để tên Nghị quyết được ngắn gọn, dễ hiểu mà vẫn đảm bảo đúng, đầy đủ các nội dung quy định tại điểm đ khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết được đặt tên là: **Nghị quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**.

Nội dung cơ bản của Nghị quyết gồm:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dung đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện các hoạt động Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 3. Định mức chi ngân sách nhà nước**

1. Chi hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị:

Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ tối đa năm (05) tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết.

*Lý do đề xuất mức hỗ trợ tối đa năm (05) tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết: do các* *dự án, kế hoạch liên kết thực hiện giai đoạn trước và hiện nay thường phổ biến mức hỗ trợ từ 1 – 5 tỷ đồng; có tham khảo một số Nghị quyết của các tỉnh đã ban hành.*

2. Chi hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ tối đa một phẩy năm (1,5) tỷ đồng/1 dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.

*Lý do đề xuất mức hỗ trợ tối đa không quá một phẩy năm (1,5) tỷ đồng/1 dự án, phương án sản xuất, dịch vụ: do các* *dự án, phương án sản xuất, dịch vụ thực hiện giai đoạn trước thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, kinh phí hỗ trợ thường giao động từ 0,5 – 1,5 tỷ đồng; có tham khảo một số Nghị quyết của các tỉnh đã ban hành.*

3. Kinh phí hỗ trợ thực hiện tại khoản 1, khoản 2 điều này khi thẩm định, phê duyệt phải trong phạm vị dự toán được giao cho địa phương, đơn vị và không vượt quá kinh phí được cấp có thẩm quyền phân bổ giai đoạn 2021-2025.

**Điều 4. Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị**

Chủ trì liên kết phải lập đầy đủ các nội dung hoạt động khi xây dựng dự án, kế hoạch liên kết để bảo đảm tính bền vững, hiệu quả của dự án, kế hoạch liên kết; ngân sách nhà nước ưu tiên hỗ trợ các nội dung sau đây:

1. Xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch liên kết;

2. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng; tập huấn năng lực quản lý chuỗi và phát triển thị trường tiêu thụ cho các đối tượng tham gia dự án, kế hoạch liên kết;

3. Hỗ trợ mô hình khuyến nông;

4. Vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất;

5. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi; quảng bá xúc tiến thương mại; phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm; tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm;

6. Chi xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm.

**Điều 5. Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết**

1. Mẫu hồ sơ: bao gồm 04 mẫu; trên cơ sở áp dụng theo mẫu hồ sơ quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, có bổ sung thêm mẫu hợp đồng liên kết.

2. Trình tự, thủ tục: bao gồm 5 bước để lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết. Trên cơ sở nghiên cứu vận dụng các quy định tại điểm 3 khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Cụ thể:

Bước 1: Các cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ, thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị: Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại khoản 1 điều này.

Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ

Thành phần hồ sơ gồm: các tài liệu theo khoản 1 điều này; bản sao (được công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc Quyết định thành lập; văn bản chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; bản sao (được công chứng) giấy chứng nhận, hoặc cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; văn bản khác (nếu có) theo quy định của bộ, cơ quan trung ương.

Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết đề nghị hỗ trợ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

- Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ cấp tỉnh đối với các dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp; các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn hai huyện trở lên và các dự án, kế hoạch sử dụng vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thành phố tiếp nhận hồ sơ cấp huyện đối với các dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp; các dự án dược liệu quý. Các phòng, ban, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn.

Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 4: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

Thời gian thẩm định: Không quá 12 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ *(Tính cả trường hợp phải đi thực tế để khảo sát đánh giá địa bàn triển khai dự án, kế hoạch).* Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 5: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn từ hai huyện trở lên và dự án, kế hoạch liên kết được hỗ trợ từ vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện hoạt động hỗ trợ. Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn; dự án phát triển dược liệu quý.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan thẩm định, Chủ tịch ủy ban nhân cấp tỉnh/huyện quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện phê duyệt theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, tập huấn hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

b) Các dự án, kế hoạch liên kết phải đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia, theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11, Nghị định 38/NĐ-CP.

c) Dự án, kế hoạch liên kết phải thể hiện được kết quả về chỉ số tạo việc làm cho bao nhiêu lao động trong khu vực và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mức tăng thu nhập cho người dân tham gia dự án theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

*Theo tiết đ điểm 1, khoản khoản 22 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP, yêu cầu ban hành Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21, không yêu cầu ban hành cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho áp dụng Mẫu hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 98/2028/NĐ-CP, chưa có quy định về trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kết hoạch liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị ban hành Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kết hoạch liên kết chung cho cả lĩnh vực nông nghiệp và lĩnh vực khác không phải sản xuất nông nghiệp. Mẫu hồ sơ ban hành thống nhất như Mẫu hồ sơ ban hành theo Nghị định số 98/2028/NĐ-CP.*

**Điều 6. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Nội dung hỗ trợ: cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ bảo đảm phát triển bền vững, hiệu quả; ngân sách nhà nước ưu tiên hỗ trợ các nội dung sau đây:

a) Xây dựng và quản lý dự án, phương án sản xuất, dịch vụ;

b) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm;

c) Vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ; chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản;

d) Chi chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi; quảng bá xúc tiến thương mại; phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm;

đ) Hỗ trợ cán bộ (bao gồm: công chức, viên chức, cán bộ xã) đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;

e) Chi tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương;

g) Chi xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm.

2. Mẫu hồ sơ: Bao gồm 4 mẫu.

a) Biên bản họp dân (*Mẫu số 05 kèm theo*)

b)Đơn đề nghị về việc hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng *(Mẫu số 06 kèm theo);*

c) Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm *(Mẫu số 07 kèm theo);*

d)Dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất công đồng *(Mẫu số 08 kèm theo).*

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phát triển sản xuất cộng đồng: bao gồm 4 bước

Bước 1: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Xây dựng dự án, phương án sản xuất

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ theo Mẫu quy định tại khoản 2 Điều này gửi cơ quan, đơn vị được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

Bước 3: Thẩm định

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất, dịch vụ, đại diện cơ quan tài chính, đầu tư và phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết). Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các tiêu chí lựa chọn, sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); sự đáp ứng các tiêu chí lựa chọn.

Bước 4: Phê duyệt

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

- Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ

Dự án, phương án sản xuất, dịch vụ được lựa chọn để được hỗ trợ vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Nghị định 38/NĐ-CP;

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi;

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

d) Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

đ) Dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải có các nội dung hoạt động bắt buộc: Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật sản xuất, quản lý và vận hành tổ nhóm; tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

**Điều 7. Mẫu hồ sơ Dự án Cây Dược liệu quý**

1. Giấy đề nghị của Chủ trì liên kết: *Mẫu DL.01 kèm theo*

2. Thuyết minh dự án dược liệu quý: *Mẫu DL.02 kèm theo*

3. Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các thành viên liên kết: *Mẫu DL.03 kèm theo*

4. Tóm tắt hoạt động của Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có): *Mẫu DL.04 kèm theo*

5. Phương án vay vốn của chủ trì liên kết và từng thành viên liên kết tham gia thực hiện dự án (nếu có): *Mẫu DL 05 kèm theo*

6. Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết dự án: *Mẫu DL.06 kèm theo*

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

Trường hợp văn bản được viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản mới thì áp dụng nội dung quy định tại văn bản mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

*Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu gồm:*

1. Dự thảo Nghị Quyết của HĐND tỉnh quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

2. Các văn bản tham gia ý kiến của các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố;

3. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các đơn vị có liên quan;

4. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Biểu tổng hợp giải trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Sở Nông nghiệp và PTNT;  - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Lê Văn Lương** |